TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH-TP HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 7năm 2021
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.

- *Thư ký phiên tòa*:Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Thuyên -Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UHxét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số:106/2021/TLST- HNGĐ ngày04tháng5năm 2021về Tranh chấp Hôn nhân và gia đìnhtheo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày09 tháng6năm2021và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐHPT-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021,giữa các đương sự:

Nguyên đơn:Anh **Trương Văn T** - sinh năm 1985.Nơi ĐKHKTT: 40/4/1 Tổ 8, khu phố 3, phường PLB, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Bịđơn:Chị **Dương Thị Thanh H** - sinh năm 1986. Nguyên quán và nơi ĐKHKTT: thôn PY, xã VA, huyện UH, thành phố Hà Nội.

**** Những người làm chứng***: ông Dương Văn H1 và bà Trương Thị M, đều sinh năm 1955; Đều trú tại: thôn PY, xã VA, huyện UH, thành phố Hà Nội *(ông H1, bà M là bố mẹ đẻ chị H).*

(Anh T, chị H, ông H1 và bà M đềuvắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khaicùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án,anh Trương Văn T là nguyên đơn trình bày: Anh và chị Dương Thị Thanh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường PLB năm 2014. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau ngay từ những ngày đầu sau khi kết hôn đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do trước khi đi đến kết hôn anh chị không có thời gian dài để tìm hiểu về nhau được kỹ hơn, vội vàng đi đến kết hôn, dẫn đến hai vợ chồng không hiểu nhau, tính tình quá khác nhau, phong tục, tập quán, lối sống giữa hai gia

đình cũng quá khác nhau. Hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ, cãi chửi nhau, bất đồng quan điểm trên mọi lĩnh vực trong cuộc sống, không thể tìm được tiến nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy, anh không còn tình cảm gì với chị H nữa, anh làm đơn xin ly hôn chị H.

Về con chung: anh và chị H có 01 con chung: Trương Quốc T1 - sinh ngày 01/02/2015. Hiện nay, cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung, nhưng vì hiện nay cháu đang ở với chị H nên anh cũng đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị H, hàng tháng anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị H số tiền 3.000.000đồng/tháng, cụ thể vào ngày 15 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 6 năm 2021.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì mâu thuẫn vợ chồng anh đã rất căng thẳng, không thể kéo dài tình trạng này nữa, anh cương quyết xin ly hôn với chị H nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai vợ chồng anh.

Bị đơn chị Dương Thị Thanh H: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng - ông Dương Văn H1 và bà Trương Thị M đều là bố mẹ đẻ chị H trình bày: Liên quan đến việc mâu thuẫn vợ chồng chị H anh T, ông bà được biết nguyên nhân là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác và có con riêng với người khác, anh T còn về đánh đập mẹ con chị H. Từ đó, không thể sinh sống được nên mẹ con chị H về nhà ông bà chung sống cùng vợ chồng ông bà. Anh T chị H gặp nhau trong miền Nam, gia đình ông bà tổ chức lễ cưới cho hai anh chị, cưới xong vợ chồng T H lại vào trong miền Nam làm ăn trong đó. Vợ chồng T H đã ly thân khoảng 6 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị H, quan điểm gia đình ông bà đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T và chị H ly hôn nhau. Hiện nay, chị H đang bận đi làm xa nhà, thỉnh thoảng lại về nhà, ông bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa và đã giao, thông báo cho chị H biết, tuy nhiên vì tình hình dịch bệnh và chị H đi làm xa nên chị H không về Tòa làm việc được. Chị H có nhờ ông bà trình bày quan điểm với Tòa là chị H đồng ý ly hôn, chị H xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án, chị cũng xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Trương Quốc T1, sinh ngày 01/02/2015. Hiện cháu T1 đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị H số tiền 3.000.000đồng/tháng. Về tài sản, công nợ chung: chị H và anh T không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản xác minh ngày 25/5/2021, chính quyền địa phương xã VA cung cấp:*Chị Dương Thị Thanh H, sinh năm 1986, là người ở thôn PY, xã VA, huyện UH, thành phố Hà Nội. Anh Trương Văn T, sinh năm 1985 là người ở phường PLB,

quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Chị H và anh T kết hôn với nhau, tuy nhiên không đăng ký kết hôn tại UBND xã VA mà đăng ký tại UBND phường PLB. Chỉ khi có con chung thì anh T và chị H mới nộp cho UBND xã trích lục kết hôn để khai sinh cho con chung là cháu Trương Quốc T1, sinh ngày 01/02/2015 tại UBND xã.Theo thông tin từ quần chúng nhân dân, sau khi kết hôn chị H và anh T sinh sống trong thành phố Hồ Chí Minh nên mâu thuẫn vợ chồng chị H anh T như nào chính quyền địa phương không biết, chỉ biết khoảng vài năm nay chị H cùng con về quê nhà chung sống cùng bố mẹ đẻ ở PY, xã VA, nhưng không thấy anh T về cùng. Gần đây có thấy anh T về UBND xã xin một vài giấy tờ để làm thủ tục xin ly hôn chị H. Nay, anh T có đơn xin ly hôn chị H, quan điểm chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa,chị H, ông H1, bà M và anh T đều vắng mặtvà đềuvẫn giữ nguyên ý kiến như nội dung trình bày tại Tòa trước đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UHphát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho anh Tđược ly hôn với chị H; giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị H số tiền 3.000.000đồng/tháng và nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ-ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trương Văn Tlàm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, Tòa án đã triệu tập chị Hđến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng thông qua bố mẹ đẻ chị H có quan điểm vì bận đi làm xa và tình hình dịch covid nên chị không về tòa án làm việc được, anh Tcó đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về hôn nhân: Anh Trương Văn T và chị Dương Thị Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường PLB, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minhngày 10/4/2014là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh T trình bày là do trước khi kết hôn không tìm hiểu kỹ nên khi về chung sống mới nhận thấy tình cách khác nhau, phong tục, tập quán, lối sống khác nhau, bất đồng quan điểm, không thể tìm được tiếng nói chung dẫn đến đánh chửi nhau; còn theo bố mẹ đẻ chị H trình bày nguyên nhân là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, về nhà đánh chửi mẹ con chị H. Vì mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng nên chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Anh T cương quyết xin được ly hôn với chị H; chị H không về Tòa án làm việc, thông qua bố mẹ đẻ, chị H có trình bày quan điểm xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án; đồng thời thông qua bố mẹ đẻ, chị H cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh T là căng thẳng, có thời gian sống ly thân dài, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của anh T, xử cho anh Tđược ly hôn với chị H là phù hợp với quy định củakhoản 1 Điều 56Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh Tcó 01 con chung là Trương Quốc T1, sinh ngày 01/02/2015. Hiện tại,cháu đang ở với chị H, chị H có nguyện vọng sau khi ly hôn được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Tphải cấp dưỡng nuôi con cho chị số tiền 3.000.000đồng/tháng; anh T cũng đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị H và đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị H số tiền 3.000.00 đồng/tháng, cụ thể vào ngày 15 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 6 năm 2021.Do đó, để đảm bảo môi trường sống tốt nhất cho cháu T1, theo nguyện vọng của các đương sự, HĐXX giao con chung Trương Quốc T1 cho chị Dương Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị H số tiền 3.000.000đồng/tháng, cụ thể vào ngày 15 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi có thay đổi mới hoặc có đề nghị khác là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Anh Tkhông yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết; chị H thông qua bố mẹ đẻ cũng có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh T phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáotheo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết

326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1.Về hôn nhân: Anh Trương Văn Tđược ly hônchị Dương Thị Thanh H.

2.Về con chung: Anh Trương Văn Tvà chị Dương Thị Thanh Hcó 01con chung là: Trương Quốc T1, sinh ngày 01/02/2015. Sau ly hôn, giao con chungTrương Quốc T1cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị H số tiền 3.000.000 đồng/tháng, cụ thể vào ngày 15 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 6 năm 2021cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi khác.Sau ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h□ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con thì ng□ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ng□ời đó.Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

3.Về án phí: Anh Trương Văn Tphải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057031ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội. Anh T còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THADS huyệnUH;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện